

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân
tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh
Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số
tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hải
Dương theo quy định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc một trong các trường hợp sau:

chưa có đất ở, không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định; chưa có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp; có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất, kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Hỗ trợ một lần, trực tiếp đến cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích.

- Giao quyền chủ động cho các địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

Điều 4. Nội dung chính sách

1. Đất sinh hoạt cộng đồng

Bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng đến từng thôn tại nơi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng theo quy định của pháp luật, chính sách tại tỉnh phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng văn hóa và điều kiện thực tế của từng dân tộc, từng địa phương.

2. Hỗ trợ đất ở

a) Trường hợp không có đất ở, không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất;

b) Trường hợp thiếu đất ở so với mức tối thiểu hạn mức giao đất ở theo quy định thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất hoặc thửa đất liền kề sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất.

3. Hỗ trợ đất nông nghiệp

a) Trường hợp không có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất.

b) Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất địa phương đang quản lý có nguồn gốc từ nông, lâm trường. Việc bố trí đất sản xuất phải đảm bảo đất không bị tranh chấp, phải liền vùng, liền khoảnh, có khả năng canh tác và gần dân cư, thuận lợi cho sản xuất.

4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh

a) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà bố trí được quỹ đất để giao tiếp nhưng không có nhu cầu được giao tiếp đất nông nghiệp mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được giảm tiền thuê đất theo quy định.

c) Trường hợp đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đủ diện tích theo hạn mức mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được giới thiệu địa điểm thực hiện dự án, cho thuê đất và phải nộp tiền thuê đất theo quy định.

5. Nguồn đất, quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVII, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo HD, Đài PT-TH tỉnh, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

